

Số: 17/44 /KH-CTSN-TCHC

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024**

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Công ty

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội;

Nay, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ xây dựng kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2024, cụ thể như sau:

**I. Mục đích, yêu cầu**

**1. Mục đích**

- Triển khai thực hiện công tác kiểm soát TSTN của người có chức vụ, quyền hạn trong đơn vị theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và các văn bản có liên quan đến công tác kiểm soát TSTN.

- Nâng cao trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, đơn vị theo quy định.

**2. Yêu cầu**

- Việc triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong đơn vị phải đảm bảo nghiêm túc, thống nhất, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

- Trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao triển khai thực hiện công tác kê khai, kiểm soát TSTN tại đơn vị mình đảm bảo chất lượng, hiệu quả.



- Các đơn vị nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn để thực hiện theo đúng quy định, góp phần phòng ngừa tham nhũng.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Đối tượng kê khai**

Các chức danh trong Công ty thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ gồm có:

- Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên; Kế toán trưởng Công ty;

- Giám đốc, Phó Giám đốc các Xí nghiệp Thủy lợi: Liên Mạc, Hà Đông, Nhật Tựu, Ứng Hòa, Hồng Vân, Phú Xuyên, Từ Liêm, Thanh Trì; Giám đốc, Phó Giám đốc Xí nghiệp Tư vấn xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực thuộc Công ty;

- Trưởng, Phó các phòng chuyên môn thuộc Công ty.

### **2. Triển khai, tổ chức thực hiện**

2.1. Phòng Tổ chức - Hành chính gửi mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ) cho cá nhân để kê khai.

2.2. Cá nhân kê khai xong, đề nghị ký và ghi rõ họ, tên vào từng trang (từ trang đầu đến trang cuối); sau đó nộp 02 bản chính kê khai cho đồng chí Trưởng đơn vị và gửi về Phòng Tổ chức - Hành chính để tổng hợp báo cáo theo quy định.

### **3. Tổ chức công khai và thực hiện**

#### **3.1. Tổ chức công khai**

a). Hình thức công khai: Tổ chức công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 của các chức danh thuộc diện phải kê khai theo danh sách bằng hình thức công bố tại cuộc họp, có cán bộ ghi biên bản cuộc họp với sự tham gia của đại diện Công đoàn Công ty (đối với các đơn vị trực thuộc là Công đoàn Bộ phận); ghi rõ ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có).

b). Phạm vi công khai:

- Các đồng chí Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng: Thực hiện công khai bản kê khai trước hội nghị cán bộ, thành phần gồm có Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty, Trưởng các đơn vị, đoàn thể trực thuộc Công ty.

- Các đồng chí thuộc diện phải kê khai không trùng với các chức danh nêu trên thì thực hiện bản kê khai như sau: Đối với các Phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xí nghiệp Tư vấn xây dựng Nông nghiệp & PTNT tổ chức hội nghị công khai trước toàn thể cán bộ, nhân viên thuộc đơn vị; đối với các Xí nghiệp Thủy lợi tổ chức hội nghị công khai trước hội nghị cán bộ chủ chốt của Xí nghiệp, thành phần

gồm có Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ phận, Lãnh đạo Xí nghiệp, Trưởng các đơn vị trực thuộc Xí nghiệp.

### **3.2. Thời gian thực hiện**

a) Các chức danh trong Công ty thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trước ngày 31/12/2024. Các đơn vị gửi Bản kê khai và biên bản công khai tài sản, thu nhập năm 2024 về Công ty (qua Phòng Tổ chức - Hành chính) trước ngày 31/01/2025.

b) Giao Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 theo quy định tại Nghị định 130/2020/NĐ-CP (Công ty sao gửi kèm theo kế hoạch mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 và mẫu Biên bản hội nghị công khai bản kê khai của cán bộ tại đơn vị trực thuộc).

Đề nghị các đơn vị trực thuộc Công ty tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung và bảo đảm đúng thời gian quy định tại kế hoạch này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Lãnh đạo Công ty;
- Lưu: VT, TCHC.

**CHỦ TỊCH**

  
**Vũ Mạnh Hùng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**  
**Hội nghị công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024**

Thực hiện Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Hôm nay, ngày .... tháng .... năm 2024, tại ..... đã tổ chức cuộc họp toàn thể cán bộ, công nhân viên - lao động và Công đoàn (đơn vị)

Tổng số cán bộ, công nhân viên - lao động được triệu tập: ..... người. Có mặt: .....; vắng:.....

**I. Chủ trì hội nghị: (Thủ trưởng đơn vị)**

- Thư ký: .....

**II. Nội dung:**

Tổ chức công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 đối với cán bộ trong danh sách thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024;

Hội nghị đã thống nhất cán bộ thuộc diện phải kê khai tự đọc bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 của mình trước hội nghị:

1. ....
2. ....
3. ....
4. ....

Hội nghị nhất trí với nội dung bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 của các đồng chí có tên trên.

**III. Những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 (nếu có)**

.....  
.....

.....  
.....  
Hội nghị đã kết thúc hồi .... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm 2024. Biên bản đã được thông qua hội nghị cùng nhất trí nội dung trên./.

**ĐẠI DIỆN TỔ CÔNG ĐOÀN**

**THƯ KÝ**

**CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ**

## PHỤ LỤC I

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU,  
KÊ KHAI HÀNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ  
(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

### A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...<sup>(1)</sup>**

**(Ngày..... tháng..... năm..... )<sup>(2)</sup>**

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Chức vụ/chức danh công tác: .....

- Cơ quan/đơn vị công tác: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: .....ngày  
cấp..... nơi cấp .....

##### 2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Nghề nghiệp: .....

- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày  
cấp..... nơi cấp .....

##### 3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....  
ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: .....

- Diện tích<sup>(9)</sup>: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: .....

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ: .....

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: .....

- Diện tích sử dụng <sup>(15)</sup>: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị <sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>.

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM** <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng			

<p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p>			
---	--	--	--

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .			
---	--	--	--

..... ngày....tháng....năm....  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày....tháng....năm....  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)